TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:09/2024/HS- ST
Ngày: 26/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Đức;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Tuấn A và bà Vũ Thị Xuyến;

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thùy Dương, Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kiều Oanh – kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 99/2023/HSST ngày 30/11/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 11/01/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức C, sinh ngày 21/10/1974 tại Uông Bí, Quảng Ninh; giới tính: nam; nơi cư trú: tổ 8, khu 8, phường S, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tự do; học vấn: 7/12; bố là ông Nguyễn Đức T (đã chết) và mẹ là bà Đoàn Thị X (đã chết); vợ là Lương Thị Th đã ly hôn; có một con sinh năm 1995, tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ ngày 15/7/2023, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa;

- Bị hại:

+ Anh Vương Quốc H, sinh năm 1992, địa chỉ tại khu Vĩnh Thông, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

+ Chị Trần Thu H, sinh năm 1996, địa chỉ tại khu Vĩnh Thông, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1989, địa chỉ tại tổ 45B, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

+ Anh Đào Đức S, sinh năm 1991, địa chỉ tại tổ 4, khu Cửa Ngăn, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Người làm chứng:

+ Chị Trần Thu Tr. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Lan H, ông Đào Đức Ng, chị Đào Thị H, chị Đào Thị Hải Y và chị Phạm Thị D.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức C có chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA biển kiểm soát 14A-559.27, thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong và dùng để chạy taxi tại hãng taxi Phú Bình. Ngày 26/10/2021, C bán chiếc xe trên cho vợ chồng anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H với giá 500.000.000 đồng, trong đó C nhận 274.000.000 đồng, còn lại 226.000.000 đồng vợ chồng chị H và anh H có trách nhiệm đóng lãi và trả số nợ cho ngân hàng. C giao cho vợ chồng chị Hvà anh H giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, bảo hiểm xe, đăng kiểm, hồ sơ vay vốn.

Sau khi trả nợ cho ngân hàng, đến ngày 15/02/2022, chiếc xe được giải chấp, anh H ký hợp đồng thuê thương hiệu taxi của Công ty Phú Bình và thuê anh Lê Tuấn A lái xe taxi, giao toàn bộ giấy tờ xe cho anh Tuấn A (toàn bộ giấy tờ xe vẫn mang tên Nguyễn Đức C).

Vào ngày 16/10/2022, thấy Lê Tuấn A lái xe taxi trên và vợ chồng anh H và chị H vẫn chưa gặp C để làm thủ tục sang tên nên C nảy sinh ý định sẽ vờ hỏi thuê chiếc xe trên từ anh Tuấn A rồi mang đi cầm cố lấy tiền. Để thực hiện, C đã sử dụng số điện thoại 0934.270.738 gọi điện cho anh Tuấn A hỏi thuê xe hai ngày, để chở người về Thái Bình từ chiều ngày 18/10/2022, đến trưa ngày 19/10/2022 sẽ mang trả xe và được anh Tuấn A đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 18/10/2022, anh Lê Tuấn A giao xe và toàn bộ giấy tờ xe cho C. Ngay sau khi nhận được xe ô tô và giấy tờ xe, C sử dụng số điện thoại 0936.298.490 để gọi điện hỏi vay anh Đào Đức S 250.000.000 đồng. Anh S yêu cầu phải có tài sản đặt làm tin nên C đã giao chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe cho anh S, hẹn 01 tháng sau sẽ lấy xe và trả tiền. Thấy giấy tờ xe mang tên C nên anh S đồng ý, chuyển tiền cho C. Đến trưa ngày 19/10/2022, C tiếp tục vay thêm anh S 50.000.000 đồng. C viết lại giấy vay tiền đề ngày 18/10/2022 với nội dung vay anh S số tiền 300.000.000 đồng, đặt xe ô tô biển kiểm soát 14A-559.27 làm tin, thời hạn trả đến 18/11/2022. Số tiền này sau đó C đã chi tiêu hết.

Chiều ngày 19/10/2022 không thấy C trả xe, anh Lê Tuấn A gọi điện liên lạc nhiều lần đến số điện thoại 0934.270.738 của C để đòi xe thì C hẹn sang ngày 20/10/2022 và chuyển khoản cho anh Tuấn A 3.000.000 đồng là tiền thuê xe. Sáng ngày 20/10/2022 C gọi điện cho anh Tuấn A thừa nhận đã cầm cố xe ô tô. Ngày 22/10/2022, anh H, anh Tuấn A và C đến nhà anh S để giải quyết nhưng anh S yêu cầu phải trả tiền thì mới trả xe nên anh H, anh Tuấn A đưa C đến Công an thành phố Uông Bí trình báo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43 ngày 07/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh kết luận xe ô tô trị giá 488.333.000 đồng (bút lục số 88 - 90).

Tại phiên tòa, bị hại là anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A và anh Đào Đức S và người làm chứng là chị Trần Thu Tr có lời khai phù hợp với nội dung vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đức C khai do anh H và chị H nợ tiền mua xe 120.000.000 đồng nên nảy sinh ý định mượn xe ô tô rồi mang đi cầm cố lấy tiền, để anh H và chị H bỏ tiền ra chuộc xe coi như trả nợ và không có ý định lừa đảo

chiếm đoạt tài sản từ trước. Quá trình điều tra, căn cứ lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả trả lời của Công ty dịch vụ Mobifone về lịch sử liên lạc của các số điện thoại di động C đã sử dụng và các chứng cứ khác, chứng minh lời khai của C là không có căn cứ. Có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Đức C đã thực hiện hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA biển kiểm soát 14A-559.27 và giấy tờ xe, anh Đào Đức S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vương Quốc H. Đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Đức C, Cơ quan điều tra đã trả cho đại diện gia đình bị cáo quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đào Đức S yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Anh Đào Đức S không yêu cầu bị cáo trả tiền lãi đối với số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Đức C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị trả lại 01 Căn cước công dân số 022074001138 mang tên Nguyễn Đức C là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đào Đức S số tiền là 300.000.000 đồng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội nên bị cáo không tranh luận. Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tại lời nói sau cùng trước khi nghị án, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về tội danh: Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo khai nhận: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên ngày 18/10/2022, Nguyễn Đức C đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nói với anh Lê Tuấn A (người được chủ xe ô tô thuê lái xe taxi) là thuê xe chở người về Thái Bình làm cho anh Lê Tuấn A tin tưởng giao xe và toàn bộ giấy tờ cho Nguyễn Đức C. Sau đó bị cáo tiếp tục dùng thủ đoạn dùng chiếc xe ô tô để chiếm đoạt 300.000.000 đồng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đào Đức S bằng cách nói dối chiếc xe vẫn thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Để tạo niềm tin với anh Đào Đức S, bị cáo đưa giấy tờ xe vẫn đứng tên bị cáo cho anh S. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Đức C bỏ trốn, đến 15/7/2023 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Lời khai nhận tội của bị cáo đã phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác phản ánh tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi gian dối của bị cáo đã làm cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A tin tưởng là thật nên giao tài sản. Sau khi nhận được tài sản, bị cáo đã không thực hiện như cam kết, mà chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki Ertiga biển kiểm soát 14A-559.27 được định giá tài sản là 488.333.000 đồng thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H. Hành vi của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" qui định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó Cơ quan Công an thành phố Uông Bí khởi tố bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội danh và khung khoản, điều luật qui định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Mặc dù biết rõ trị giá tài sản chiếm đoạt là tương đối lớn, bị hại sẽ tố cáo và hành vi của bị cáo sẽ bị xử lý theo pháp luật. Nhưng do muốn có tiền ăn tiêu và xem thường pháp luật, bằng lời nói gian dối bị cáo đã làm cho anh Lê Tuấn A tin tưởng và giao tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki Ertiga biển kiểm soát 14A-559.27 cho bị cáo. Sau đó bị cáo lại sử dụng tài sản để chiếm đoạt tiền của người khác. Sau khi nhận được tiền bị cáo bỏ trốn. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Vì vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét hành vi phạm tội cùng nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải

có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo nói riêng và đảm bảo tính phòng ngừa tội phạm trong xã hội nói chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự*:* Bị hại là anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H đã nhận lại tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki Ertiga biển kiểm soát 14A-559.27. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đào Đức S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý trả số tiền trên cho anh Đào Đức S. Xét thấy yêu cầu của anh Đào Đức S là có căn cứ nên áp dụng Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Đào Đức S, buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Đào Đức S số tiền 300.000.000 đồng.

[5]. Về vật chứng:

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA biển kiểm soát 14A-559.27 và giấy tờ xe, anh Đào Đức S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Vương Quốc H nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 220187003092 mang tên Nguyễn Đức C, Cơ quan điều tra đã trả cho đại diện gia đình bị cáo quản lý nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với 01 Căn cước công dân số 022074001138 mang tên Nguyễn Đức C do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp là tài sản của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị tạm giữ 15/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải hoàn trả cho anh Đào Đức S số tiền 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành mà người phải thi hành án chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại 01 Căn cước công dân số 022074001138 mang tên Nguyễn Đức C do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cho bị cáo Nguyễn Đức C.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Uông Bí)

4. Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức C, bị hại là anh Vương Quốc H và chị Trần Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Tuấn A và anh Đào Đức S quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Bị hại*
- *Người có QLVNVLQ*
- *VKSND TP Uông Bí;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TP Uông Bí;*
- *Chi cục THADS Uông Bí;*
- *Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;*
- *Nhà tạm giữ Công an TP Uông Bí;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Anh Đức